

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên toà: Ông Thiệu Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Từ Quốc Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLST–HNGĐ ngày 29/3/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố N, phường S, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

-Bị đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số A, tổ dân phố N, phường S, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tình yêu tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau bà T và ông H chung sống với nhau từ tháng 12 năm 1991, có làm đám cưới theo phong tục tập quán, nhưng từ đó cho đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến cuối năm 1992 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, khó khăn về kinh tế từ đó bà T và ông H thường xuyên xích mích cãi vã nhau sống không hạnh phúc, ông H cũng thường xuyên xúc phạm và đánh đập bà T nhưng vì con cái bà T cố gắng chịu đựng, nhưng mâu thuẫn gia đình cứ kéo dài đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông H là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình hoà giải bà T trình bày: Bà và ông H có 02 con chung là Võ Văn C, sinh ngày 21/01/1994 đã lập gia đình, nên không yêu cầu giải quyết và Võ Thị Ngọc S, sinh ngày 20/01/1997 hiện là sinh viên đại học sư phạm năm thứ 4, không có tài sản gì để nuôi sống bản thân, nên đề nghị ông H phải cấp dưỡng nuôi con Võ Thị Ngọc S 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu S học xong đại học. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên sau khi hoà giải và tại phiên toà bà T thay đổi yêu cầu và trình bày hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết và không yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn ông Võ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T chung sống với nhau từ tháng 12 năm 1991, có làm đám cưới theo phong tục tập quán, nhưng từ đó cho đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến cuối năm 1992 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, khó khăn về kinh tế từ đó ông H và bà T thường xuyên xích mích cãi vã nhau sống không hạnh phúc, do bức xúc nóng giận không kìm chế được bản thân, nên ông H cũng thường xuyên xúc phạm bà đánh đập bà T, mâu thuẫn gia đình cứ kéo dài đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà với ông H là quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Võ Văn C, sinh ngày 21/01/1994 và Võ Thị Ngọc S, sinh ngày 20/01/1997. Đối với 02 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên toà đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà Lê Thị T với ông Võ Văn H là vợ chồng, về con chung, tài sản chung và công nợ các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn bà Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn H và bà Lê Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Ông H và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn, cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với nhau ông bà sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhau. Nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông H là vợ chồng là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và điểm c, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Võ Văn C, sinh ngày 21/01/1994 và Võ Thị Ngọc S, sinh ngày 20/01/1997. Quá trình hoà giải bà T yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung Võ Thị Ngọc S, sinh ngày 20/01/1997 mỗi tháng 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) cho đến khi cháu Sương học xong Đại học, Tuy nhiên sau khi hoà giải và tại phiên toà bà T thay đổi yêu cầu và trình bày hiện nay hai con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết và không yêu cầu về cấp dưỡng. Xét lời trình bày và yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Ông H, bà T không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 LHN&GD; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 8 Điều 28, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị T và ông Võ Văn H là vợ chồng.

-Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Võ Văn C, sinh ngày 21/01/1994 và Võ Thị Ngọc S, sinh ngày 20/01/1997. Đối với 02 con chung đã đủ tuổi trưởng thành và bà T, ông H không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

-Về tài sản chung và công nợ: Bà T, ông H không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

-Về án phí: Bà Lê Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0011427, ngày 28/3/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường T;
- THA DS thị xã;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Đạt Hiếu;
- THA DS thị xã;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đinh Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Cư Bao;
- THA DS thị xã;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Hương